TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 458/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lại Hữu Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1080/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hùng T, sinh năm: 1980 (vắng mặt – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: B Hồ H, khu phố C, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Quỳnh H, sinh năm: 1978 (vắng mặt);
Địa chỉ: C ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hùng T trình bày:

Ông và Bà Lê Thị Quỳnh H sống chung với nhau từ năm 2003, do hai người tự tìm hiểu với nhau. Hai người có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung, hai người chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2019, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân gây ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng thường hay cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Hai người sống ly

thân từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị Quỳnh H.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hùng Lê T1, giới tính nam, sinh ngày 02/01/2004 (đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Lê Quỳnh T2, giới tính nữ, sinh ngày 25/8/2008. Hiện trẻ T2 đang sống chung với bà H. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Quỳnh T2 và ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và không thể hiện ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại Tòa án, không thể hiện ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hùng T yêu cầu được ly hôn với bị đơn Bà Lê Thị Quỳnh H. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã A, huyện B xác định*"Đương sự Lê Thị Quỳnh H có cư trú và sinh sống tại tại địa chỉ C ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10 năm 2022 đến hết tháng 12 năm 2022. Hiện đương sự H đã chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng không rõ đi đâu"*. Như vậy, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 160 ngày 20/6/2003 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Hùng T và Bà Lê Thị Quỳnh H là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định đời sống chung vợ chồng giữa ông T và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng thường hay cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt không rõ lý do, điều này cho thấy Bà H đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Do đó, ông T và bà H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Cho nên, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hùng T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Hùng Lê T1, giới tính nam, sinh ngày 02/01/2004 (đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Lê Quỳnh T2, giới tính nữ, sinh ngày 25/8/2008. Khi ly hôn, ông T yêu cầu bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Quỳnh T2 và ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Xét, trẻ Quỳnh T2 hiện đang sống chung với bà H và trẻ Quỳnh T2 có nguyện vọng sống chung với bà H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Quỳnh T2 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3.3]. Về tài sản chung: Ông T yêu cầu được tự thỏa thuận với bà H. Bà H vắng mặt, không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà H về tài sản chung giữa bà H và ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về tài sản chung.

[3.4]. Về nợ chung: Ông T xác định không có, còn bà H vắng mặt, không thể hiện ý kiến, yêu cầu của Bà H về nợ chung giữa Bà H và Ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về nợ chung.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[5]. Về án phí: Ông Nguyễn Hùng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hùng T được ly hôn với bà Lê Thị Quỳnh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 160 ngày 20/6/2003 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Lê Quỳnh T2, giới tính nữ, sinh ngày 25/8/2008 cho bà Lê Thị Quỳnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì Ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Ông T yêu cầu được tự thỏa thuận với bà H nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông T xác định không có nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hùng T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0042079 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ.



Nguyễn Tấn Việt